

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2025/DS-PT

Ngày: 25 - 6 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán:

Bà Lê Hồng Hạnh

Ông Bùi Văn Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18/6/2025 và 25/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLPT-DS ngày 14/4/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2025/QĐXX-PT ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị M, sinh năm: 1973; Cư trú tại: ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. “vắng mặt”

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: bà Nguyễn Ngọc Diễm H, sinh năm 1965; cư trú tại: ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. “có mặt”

- **Bị đơn:**

1. Công ty TNHH MTV T; địa chỉ trụ sở chính: tổ A, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Giám đốc;

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “có mặt”

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà Trần Thị Bích Đ, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “vắng mặt”

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Lâm Thị M; bị đơn ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Diễm H trình bày:

Bà Lâm Thị M là di ruột ông Nguyễn Văn C. Từ ngày 22/9/2016 đến ngày 15/12/2018 bà M có cho Công ty TNHH MTV T (gọi tắt là C1) do ông Nguyễn Văn C là Giám đốc vay tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Công ty tại Ngân hàng TMCP Á. Tính đến ngày 15/12/2018 ông C và bà M chót nợ thì ông C còn nợ bà M số tiền là 848.680.000 đồng. Ông C là người viết giấy và ký nhận. Bà M đã nhiều lần yêu cầu ông C phải trả tiền nhưng ông C không thực hiện.

Nay, bà M yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bích Đ phải trả cho bà M số tiền nợ gốc đã vay là 848.680.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 cho đến ngày trả tiền.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông C là chồng của bà Trần Thị Bích Đ và đại diện theo pháp luật của Công ty T. Vợ ông C là bà Đ có vay tiền của bà M. Vì là quan hệ gì cháu nên ngày 15 tháng 12 năm 2018 ông C có xác nhận với bà M là vợ chồng ông còn nợ bà M số tiền 648.680.000 đồng. Thời hạn trả tiền là ngày 16 tháng 12 năm 2018 nên bà M khởi kiện là hết thời hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu khởi kiện.

Về yêu cầu Công ty T phải trả tiền thì phía không ty không đồng ý trả vì công ty không có vay tiền của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị M. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bích Đ phải liên đới trả cho bà Lâm Thị M số tiền nợ gốc là 648.680.000 đồng, tiền lãi là: 326.017.400 đồng, tổng cộng là: 974.697.400 đồng (chín trăm bảy bốn triệu sáu trăm chín bảy nghìn bốn trăm đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 21/01/2024 nguyên đơn bà Lâm Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ngày 02/2/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông C trả số tiền 133.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể: bà H vẫn giữ nguyên các yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV T phải liên đới trả nợ; yêu cầu Tòa buộc các bị đơn phải trả cho bà M tiền lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng 1,66%/tháng trên số tiền 433 triệu đồng. Tại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo bà M yêu cầu Tòa phúc thẩm xác định bị đơn chưa trả được khoản tiền 200.000.000 đồng và bị đơn còn nợ 848.680.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bà H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó bà H chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 648.680.000 đồng đồng thời đề nghị Tòa tách việc giải quyết đối với số tiền 200.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông C bà Đ đã trả và số tiền 300.000.000 đồng mà ông C cho rằng đã thanh cho bà M bằng cách đưa số tiền này cho bà H1 ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện của ông C bà Đ.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xác định sau khi chốt nợ ngày 15/12/2018 ông C đã trả cho bà M số tiền 300.000.000 đồng và không đồng ý với việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn mà bà H đã trình bày cũng như không đồng ý tách việc giải quyết khoản 200 triệu và 300 triệu ra giải quyết riêng như phía nguyên đơn trình bày.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị M, bị đơn ông Nguyễn Văn C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn: tại phiên tòa, bà H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó bà H chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 648.680.000 đồng; Đề nghị Tòa án tách việc giải quyết đối với số tiền 200.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ

thẩm đã xác định ông C bà Đ đã trả và số tiền 300.000.000 đồng mà ông C cho rằng đã thanh cho bà M thông qua bà H1 ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện của ông C bà Đ.

[3] Theo quy định tại khoản 1 của Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự thì:

“1. Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không và tùy từng trường hợp mà giải quyết như sau:

a. Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn;”.

b.”.

[4] Xét thấy, đối với số tiền 200.000.000 đồng mà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện: tại phiên tòa bị đơn ông C không đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút yêu cầu về phần này của nguyên đơn. Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà bị đơn cho rằng đã trả cho bà M thông qua bà H1: Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn không khởi kiện tranh chấp về số tiền này mà đây là trình bày do phía bị đơn nêu ra, do đó việc phía nguyên đơn đề nghị tách phần này ra giải quyết bằng vụ án khác là không phù hợp nên cũng không được chấp nhận.

* Về nội dung tranh chấp:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị M, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Diễm H cho rằng từ ngày 22/6/2016 đến ngày 15/12/2018, bà Lâm Thị M có 19 lần cho Công ty TNHH MTV T (sau đây gọi tắt là: Công ty T) do ông C làm Giám đốc vay tiền với tổng số tiền 1.755.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận tiền lãi tính theo mức lãi suất của ngân hàng quy định. Trong 19 lần cho vay thì có 17 lần bà M chuyển khoản vào tài khoản của ông Công ty T, 01 lần chuyển khoản vào tài khoản của người có tên Nguyễn Thị L (tài khoản người này do ông C yêu cầu bà M chuyển vào) và 01 lần chuyển tiền vào tài khoản của bà Trần Thị Bích Đ (vợ ông C). Bị đơn ông C thì cho rằng, trước đây bà M có nhiều lần cho vay tiền nhưng là cho ông vay chứ không phải cho Công ty T vay, việc ông nói bà M chuyển tiền vào tài khoản công ty là để cho tiện còn thực tế ông mới là người vay các khoản tiền của bà M. Ông không nhớ cụ thể số lần vay, tại phiên tòa khi ông trình bày mỗi lần vay hai bên có thỏa thuận mức lãi khác nhau, khi thì cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng chứ không phải theo mức lãi ngân hàng quy định như phía nguyên đơn trình bày.

[7] Xét thấy, mặc dù các bên trình bày mâu thuẫn về số tiền vay, số lần vay và mức lãi suất, nhưng hai bên đều thừa nhận: từ ngày 22/6/2016 đến ngày 15/12/2018, bà M có nhiều lần chuyển tiền cho ông C bà Đ vay và ông C bà Đ cũng đã trả cho bà M được một số khoản tiền. Vào ngày 15/12/2018, hai bên lập giấy chốt nợ với nội dung cơ bản: ông C bà Đ còn nợ bà M 433.000.000 đồng gốc

và 415.000.000 đồng tiền lãi, ông C đã trả 200.000.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 648.680.000 đồng. Ông C hứa sẽ trả số tiền này cho bà M trong thời hạn từ ngày 15/12/2018 đến cuối tháng 12/2018. Nếu đến cuối tháng mà ông C không trả được nợ thì bắt đầu từ tháng 01/2019 ông C phải trả tiền lãi trả cho bà M đối với số tiền 648.680.000 đồng. Đây là những tình tiết được các bên thừa nhận nên được coi là sự thật không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Xét trình bày của phía nguyên đơn về việc nguyên đơn cho rằng khoản tiền trên bà M cho Công ty T vay chứ không phải cho cá nhân ông C bà Đ vay. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà M có nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản Công ty T nhưng bà M không có chứng cứ chứng minh đây là khoản tiền do Công ty T vay. Mặt khác, tại biên nhận chốt nợ của hai bên do chính bà M là người viết thể hiện hai bên đã thống nhất chốt "*Chính Đào nợ gốc 433.000.000....*" (bút lục 109), trong khi ông C không thừa nhận việc Công ty T vay tiền của bà M mà cho rằng việc ông cho bà M chuyển tiền vay vào tài khoản của công ty là cho tiện và cho rằng giữa công ty P của bà M và Công ty T của ông C cũng có việc chuyển tiền qua lại cho nhau. Vì thế, không có cơ sở để khẳng định Công ty T hiện còn nợ của bà M số tiền 648.680.000 đồng mà chỉ có căn cứ khẳng định ông C bà Đ là người nợ bà M khoản tiền trên. Yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc Công ty T phải liên đới trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Xác định số tiền mà ông C bà Đ còn nợ bà M: phía nguyên đơn cho rằng tính đến ngày 15/12/2018 ông C bà Đ còn nợ bà M 848.680.000 đồng nhưng do nhầm lẫn nên hai bên mới chốt nội dung ông C bà Đ còn nợ 648.680.000 đồng. Sau khi bà M và ông C chốt nợ thì bà H1 là cháu bà M mới phát hiện chốt nhầm nên có ghi vào phía sau giấy biên nhận chốt nợ nội dung: "*Chính Đ nợ tổng thực tế là 648.680.000 + 200.000.000 (chị H1 trừ sai vì số tiền này của đợt sau), tổng 848.680.000*". Tuy nhiên, nội dung này chỉ có chữ ký xác nhận của bà H1 mà không có chữ ký xác nhận của ông C bà Đ và không được ông C thừa nhận, trong khi tại phiên tòa sơ thẩm bà H1 trình bày: "*Tôi có biết việc vay tiền nhưng cụ thể như thế nào thì tôi không rõ. ...Tôi chỉ chốt nợ hộ còn cụ thể bao nhiêu, như thế nào tôi không rõ vì đều là người nhà của nhau*" (bút lục 77, 78). Hơn thế, chính bà H khẳng định nội dung chốt "*Chính Đào nợ gốc 433.000.000 lãi 24 tháng 415.000.000 (tổng) 848.680.000, C đã trả 200.000.000 (tổng) 648.000.000*" là do chính bà M ghi. Vì thế, không có căn cứ khẳng định ông C còn nợ 848.680.000 như phía nguyên đơn trình bày mà có căn cứ khẳng định ông C bà Đ chỉ còn nợ 648.680.000 đồng.

[10] Về việc bị đơn ông C cho rằng sau khi chốt nợ, vào ngày 24/4/2019 ông đã trả thêm được 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho bà H1 để bà H1 giao cho bà M nên chỉ còn nợ bà M 133.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình ông C cung cấp chứng cứ là tin nhắn mà bà M nhắn tin cho ông trên mạng Zalo, cụ thể vào lúc 11 giờ 44 phút ngày 24/4/2019 bà M có nhắn cho ông C: "*Cháu gửi vào tk chị H1 cho dì*" (bút lục 86) và cung cấp chứng cứ là Phiếu chuyển khoản số GD 57 do Ngân hàng A lập ngày 24/4/2019 với nội

dung Công ty T gửi vào tài khoản Công ty TNHH MTV P số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, trên phiếu chuyển khoản này lại thể hiện nội dung đây là số tiền để “chuyên khoản tiền hàng” mà không thể hiện đây là tiền ông C bà Đ thanh toán nợ cho bà M. Bên cạnh đó, phía nguyên đơn không thừa nhận đã nhận khoản tiền 300.000.000 đồng ông C trả nợ thông qua bà H1 như lời ông C trình bày. Do đó, không có căn cứ xác định vào ngày 24/4/2019 ông C đã trả cho bà M số tiền 300.000.000 đồng.

[11] Về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: tại phiên tòa bà H yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức 20%/năm, tương ứng 1,66%/tháng đối với số tiền 648.680.000 đồng, tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/01/2024. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo nội dung giấy biên nhận chốt nợ t và lời thừa nhận của các bên tại phiên tòa thể hiện vào thời điểm chốt nợ hai bên đã thỏa thuận: nếu hết tháng 12/2018 mà ông C bà Đ không trả được nợ cho bà M thì bắt đầu từ tháng 01/2019 phải tính tiền lãi cho bà M đối với số tiền 648.680.000 đồng. Do đến hết tháng 12/2018 ông C bà Đ không trả được nợ và các bên cũng không thỏa thuận cụ thể mức tính lãi cụ thể là bao nhiêu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (10%/năm) từ ngày 01/01/2019 đến ngày 18/01/2024 với số tiền 326.017.400 đồng là có cơ sở. Mặt khác, tại đơn khởi kiện bà M yêu cầu bị đơn phải trả “lãi suất chậm thanh toán” (bút lục 02) mà lãi suất chậm thanh toán thì được áp dụng bằng 50% của mức lãi suất giới hạn 20%/năm (tương ứng 10%/năm) theo quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự. Nhưng, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà M yêu cầu Tòa tính lãi theo mức 20%/năm (1,66%/tháng) là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và không phù hợp với thỏa thuận của các bên cũng như các quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[12] Đối với yêu cầu của bị đơn ông C về việc ông yêu cầu Tòa tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền lãi 415.000.000 đồng mà hai bên đã chốt vì cho rằng mức lãi mà bà M đã tính là quá cao so với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên trình bày mâu thuẫn về mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận, bà H thì cho rằng mức lãi tính theo lãi suất ngân hàng nhưng cụ thể bao nhiêu thì bà H không rõ còn ông C khi thì cho rằng, mức lãi của các khoản tiền vay là 4,5%/tháng, khi thì cho rằng ông C vay tiền nhiều lần và mỗi lần thì mức lãi có khác nhau nhưng mức lãi của từng lần cụ thể ra sao thì ông không nhớ. Các bên cũng trình bày mâu thuẫn về số tiền gốc để làm cơ sở tính ra khoản tiền lãi 415.000.000 đồng, cụ thể: nguyên đơn thì cho rằng đây là tiền lãi được cộng lại của tất cả các khoản mà ông C vay cho đến ngày chốt nợ 15/12/2018, đây không phải là tiền lãi của riêng số nợ gốc 433.000.000 đồng. Còn ông C thì cho rằng đây là tiền lãi của số tiền gốc 433.000.000 đồng tính theo mức lãi 4,5%/tháng từ tháng 9/2016 đến ngày 15/12/2018. Trình bày này của ông C cũng là mâu thuẫn vì các bên đều xác nhận từ 22/9/2016 đến ngày 15/12/2018 ông C vay nhiều lần, nhiều khoản tiền chứ không phải vào ngày 22/9/2016 chỉ vay số tiền 433.000.000 đồng nên không thể tính lãi trên số tiền này từ 22/9/2016 đến

ngày 15/12/2018. Hơn nữa, nếu tính 4,5%/tháng từ ngày 22/9/2016 đến 15/12/2018 thì tiền lãi là 482.578.500 đồng (433.000.000 đồng x 4,5% x 24 tháng 23 ngày) chứ không phải 415.000.000 đồng. Do các bên không chứng minh được số tiền 415.000.000 đồng là tiền lãi của khoản nợ gốc nào trong số các khoản đã vay từ ngày 22/9/2016 đến ngày hai bên chốt nợ và cũng không chứng minh được mức lãi suất mà hai bên đã thống nhất thỏa thuận với nhau. Do đó, không có cơ sở để tính lại tiền lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 415.000.000 đồng theo yêu cầu của bị đơn nên yêu cầu về phần này của ông C không được chấp nhận.

[13] Từ những phân tích trên thấy rằng, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đều không có cơ sở để chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

[14] Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và thấy đã phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét mà được giữ nguyên.

[15] Án phí dân sự sơ thẩm: bà M phải chịu án phí đối với số tiền 200.000.000 đồng không được chấp nhận; ông C bà Đ phải chịu án phí đối với số tiền 974.697.400 đồng phải trả cho bà M.

[16] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị M, bị đơn ông Nguyễn Văn C không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

[17] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị M và kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Áp dụng khoản 2 Điều 357; Điều 429; Điều 463; khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị M. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bích Đ phải liên đới trả cho bà Lâm Thị M số tiền 648.680.000 đồng và 326.017.400 đồng tiền lãi, tổng cộng là:

974.697.400 đồng (chín trăm bảy bốn triệu sáu trăm chín bảy nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bích Đ liên đới phải chịu 41.240.900 đồng (bốn một triệu hai trăm bốn mươi nghìn chín trăm đồng);

Bà Lâm Thị M phải chịu 10.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền 18.730.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0004731 ngày 02 tháng 02 năm 2023, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả cho bà Lâm Thị M số tiền 8.730.000 đồng (tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn bà Lâm Thị M phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001112 ngày 15 tháng 03 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài;

Bị đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001123 ngày 19 tháng 03 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Xoài;
- TAND thành phố Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi